TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 88/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 17 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn anh: **Nguyễn Văn S – Sinh năm: 1992.**

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn chị: **Vi Thị D – Sinh năm: 1994.**

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 9 tháng 9 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 9 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Vi Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh S và chị D có ý kiến chung thống nhất anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/03/2014, tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Anh, chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 04/2019 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh S và chị D thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh S và chị D đều có ý kiến chung và cùng thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung. Cháu tên là Nguyễn Vi Ánh N. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 03/10/2014. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng anh, chị tại thôn X, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn anh S và chị D đều có ý kiến chung, thống nhất giao cháu Ánh N cho anh S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này, chị D có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Anh S và chị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí* : Anh S và chị D thống nhất thỏa thuận anh S chịu toàn bộ tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng. Hiện tại anh S đã nộp 300.000 đồng, vì vậy, anh S được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nh, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001939, ngày 9 tháng 8 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã X, h. T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn